

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **166/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 18/03/2026
Về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Định.

2. Bà Lý Thị Nhân.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Phương Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị H**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Lý Văn H1**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang** (vắng mặt, có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác, nguyên đơn chị **Bàn Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lý Văn H1** đăng ký kết hôn ngày 05/5/2008 tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** (nay là **UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang**) trên cơ sở tự do yêu đương tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại **thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** (nay là **thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang**). Quá trình vợ chồng chung sống đã dần bộc lộ nhiều điểm khác biệt trong lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử. Anh **H1** thường xuyên ghen tuông, chửi và xúc phạm, vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay, anh **H1** làm lao động tự do tại

địa phương, chị đi làm xa nhà, chỉ về nhà vào cuối tuần nhưng chị về ở nhà cũ của bố mẹ đẻ trong cùng thôn, chị và anh **H1** không nói chuyện và không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lý Văn H1**.

Về con chung: Chị và anh **H1** có 03 con chung là cháu **Lý Thị H2**, sinh ngày 20/8/2007, **Lý Thị N**, sinh ngày 28/4/2009 và **Lý Văn T**, sinh ngày 04/11/2013. Cháu **H2** đã trưởng thành, có gia đình riêng, chị không đề nghị giải quyết, chị đề nghị nuôi cháu **N**, hiện nay cháu **N** đã nghỉ học, đi làm cùng chị, do chị đi làm xa nhà, không thường xuyên chăm sóc cháu **T** được nên chị đề nghị Tòa án giao cháu **T** cho anh **H1** nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng cho cháu **T** mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 đến khi cháu **Lý Văn T** đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh **H1** không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh **H1** đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không hòa giải được.

** Theo đơn biên bản lấy lời khai bị đơn anh **Lý Văn H1** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Bản Thị H** có thời gian tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/05/2008 tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** nay là **UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang** được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh làm ăn sinh sống tại **thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang)**. Anh chị đều làm lao động tự do tại địa phương. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc bình thường. Đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do chị **H** có nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, anh biết được và vợ chồng cãi nhau, chị **H** bỏ đi về nhà mẹ đẻ ở và không về chung sống với anh nữa, anh gọi điện chị **H** toàn chửi anh, từ đó đến nay anh chị không nói chuyện được với nhau. Chị **H** đi làm **công ty T1** có về nhà nhưng chỉ về thăm các con một chút sau đó về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn ở cách nhà anh 2 nhà chứ không về ở nhà anh. Về kinh tế anh chị không chung đụng liên hệ với nhau, tình cảm cũng không còn. Hiện anh làm lao động tự do tại địa phương, anh có biết việc chị **H** đề nghị ly hôn anh có nhận được thông báo thụ lý của tòa án và anh biết việc chị **H** xin ly hôn với anh. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay, anh chị không thể có tiếng nói chung. Tòa án mời ra làm việc anh không ra làm việc theo thông báo được vì anh không có bằng lái xe máy không có phương tiện. Nay chị **H** đề nghị ly hôn anh không nhất trí vì anh lấy vợ chứ anh không bỏ vợ. Anh xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Về con chung: Anh và chị **H** có 03 con chung là cháu **Lý Thị H2**, sinh ngày 20/8/2007, cháu **Lý Thị N**, sinh ngày 28/4/2009 và cháu **Lý Văn T**, sinh ngày 04/11/2013, cháu **H2** đã trưởng thành, có gia đình riêng anh không đề nghị giải

quyết, cháu **N** đã nghỉ học, đi làm cùng chị **H**, chị **H** đề nghị được nuôi cháu **N** anh nhất trí, cháu **Lý Văn T** đang ở cùng anh, học lớp 7, anh muốn được trực tiếp nuôi cháu **T**. Anh không đề nghị chị **H** cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị **H** không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang, ông **Triệu Văn Đ**, trưởng thôn **Khuân Đ1** cung cấp thông tin: Anh **H1** và chị **H** kết hôn năm 2008 sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống anh chị thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì ông không biết được. Khoảng tháng 7 năm 2025 chị **H** đi làm công ty thỉnh thoảng mới về nhà nhưng không ở cùng anh **H1** mà lên ở nhà cũ bố mẹ đẻ chị **H** cùng thôn. Ông nghe nói anh chị Hoa Hùng sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Anh **H1** và chị **H** có 03 con chung là cháu **Lý Thị H2**, sinh ngày 20/8/2007 đã trưởng thành có gia đình, cháu **Lý Thị N**, sinh ngày 28/4/2009 hiện đang đi làm cùng chị **H** thỉnh thoảng có về nhà và cháu **Lý Văn T**, sinh ngày 04/11/2013 học lớp 7 đang ở cùng anh **H1**. Anh **H1** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hàng ngày vì chị **H** đi làm xa thỉnh thoảng mới về. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị **Hoa H3** có nhà ở tại thôn cụ thể như nào ông không nắm được về nợ chung tôi cũng không nắm được.

Cháu **Lý Thị N** và cháu **Lý Văn T** đều có nguyện vọng muốn được ở với chị **H**.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bàn Thị H** được ly hôn với anh **Lý Văn H1**.

- Về con chung: Con chung là cháu **Lý Thị H2**, sinh ngày 20/8/2007 đã trưởng thành có gia đình riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Giao con chung là cháu **Lý Thị N**, sinh ngày 28/4/2009 cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu **Lý Văn T**, sinh ngày 04/11/2013 cho anh **Lý Văn H1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Bàn Thị H** cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Lý Văn T** với mức cấp

dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 đến khi cháu **Lý Văn T** đủ 18 tuổi. Chị **Bàn Thị H** và anh **Lý Văn H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **H** và anh **H1** xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị **H** và anh **H1** xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị **Bàn Thị H** và anh **Lý Văn H1** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2008 tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** nay là **UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang** đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định anh **Lý Văn H1** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang**. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

[3] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và thông báo các thủ tục tố tụng cho anh **Lý Văn H1** đến Tòa án để giải quyết. Chị **H**, anh **H1** đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị **H**, anh **H1** theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Bàn Thị H** và anh **Lý Văn H1** kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2008 tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** nay là **UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang**. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng và chị **H**, anh **H1** đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Bản thân chị **H** xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh **H1** xác định vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị **H** là chính đáng và có căn cứ phù hợp

với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị **Bàn Thị H** là xử cho chị **H** được ly hôn với anh **Lý Văn H1**.

[5] Về con chung: Chị **Bàn Thị H** và anh **Lý Văn H1** có 03 con chung là cháu **Lý Thị H2**, sinh ngày 20/8/2007, cháu **Lý Thị N**, sinh ngày 28/4/2009 và cháu **Lý Văn T**, sinh ngày 04/11/2013. Xét thấy: Cháu **Lý Thị H2** đã trưởng thành, chị **H**, anh **H1** không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Cháu **N** hiện đang đi làm cùng chị **H**, cháu **N** có nguyện vọng ở cùng với chị **H**. Cháu **T** hiện đang ở cùng anh **H1**, cháu **T** trình bày: Cháu đang ở cùng bố và bà nội, hàng ngày bố nấu cơm chăm lo cho cháu, bố rất quan tâm cháu. Trường hợp bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ. Cháu thích ở với mẹ hơn mẹ cho cháu ngủ muộn và hay cho cháu đi chơi. Cháu không muốn ở với bố vì bố hay bắt đi ngủ sớm và ít cho đi chơi như mẹ. HĐXX thấy mặc dù cháu **T** có nguyện vọng ở với chị **H** nhưng anh **H1** là người trực tiếp chăm lo, quan tâm cháu **T** hàng ngày, anh **H1** có nhà ở, chị **H** hiện đang đi làm xa nhà, chị **H** nhất trí giao cháu **T** cho anh **H1** trực tiếp nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **T** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) nên HĐXX giao cháu **Lý Thị N** cho chị **Bàn Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **Lý Văn T** cho anh **Lý Văn H1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị **Bàn Thị H** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **T** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 đến khi cháu **Lý Văn T** đủ 18 tuổi. Chị **Bàn Thị H** và anh **Lý Văn H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị **Bàn Thị H** anh **Lý Văn H1** xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Bàn Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Lý Văn H1** không phải nộp án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bàn Thị H**.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bàn Thị H** được ly hôn với anh **Lý Văn H1**. (Đăng ký kết hôn số 20 ngày 05/5/2008 của **UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** nay là **UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang**).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Lý Thị N**, sinh ngày 28/4/2009 cho chị **Bàn Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu **Lý Văn T**, sinh ngày 04/11/2013 cho anh **Lý Văn H1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Bàn Thị H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Lý Văn T** với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 đến khi cháu **Lý Văn T** đủ 18 tuổi. Chị **Bàn Thị H** và anh **Lý Văn H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị **Bàn Thị H** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 123 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị **Bàn Thị H** phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Anh **Lý Văn H1** không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Trào;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà****Mai Thị Huệ**